



Thực trạng vốn con người của hộ gia đình người Thổ liên quan đến khả năng thoát nghèo tại tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Human Capital Status of Tho Ethnic Households in Relation to Poverty Escape in Thanh Hoa Province, Vietnam

Nguyễn Thị Duyên^{a*}, Đoàn Thị Như Quỳnh^a
Nguyen Thi Duyen^{a*}, Doan Thi Nhu Quynh^a

^aKhoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức, 565 Quang Trung, Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

^aFaculty of Social Sciences, Hong Duc University, 565 Quang Trung, Hac Thanh ward, Thanh Hoa province, Vietnam

(Ngày nhận bài: 10/06/2025, ngày phản biện xong: 12/12/2025, ngày chấp nhận đăng: 17/01/2026)

Tóm tắt

Bài viết phân tích thực trạng vốn con người và đề xuất giải pháp nâng cao nguồn vốn con người nhằm cải thiện khả năng thoát nghèo của hộ gia đình người Thổ tại tỉnh Thanh Hóa. Dựa trên phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp khảo sát định lượng 200 hộ gia đình và phỏng vấn sâu định tính, nghiên cứu chỉ ra rằng năng lực thoát nghèo của người Thổ có mối tương quan chặt chẽ với các yếu tố thuộc về vốn con người, bao gồm số lượng và chất lượng lao động, trình độ học vấn, tình trạng sức khỏe, và kỹ năng sản xuất kinh doanh. Kết quả cho thấy sự khác biệt rõ rệt về các chỉ số này giữa nhóm hộ nghèo và hộ đã thoát nghèo. Các rào cản chính được xác định bao gồm trình độ học vấn thấp (với tỉ lệ lớn chủ hộ chỉ tốt nghiệp từ trung học cơ sở trở xuống), thiếu kinh nghiệm sản xuất, sức khỏe hạn chế, và năng lực tiếp cận, sử dụng vốn yếu kém, ngoài ra tư tưởng trông chờ vào chính sách của nhà nước cũng là một trở ngại đáng kể. Từ những phân tích trên, bài báo đề xuất một số giải pháp nâng cao nguồn vốn con người như: nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nghề, cải thiện chăm sóc sức khỏe, và đổi mới công tác tuyên truyền nhằm thay đổi tư duy, khơi dậy nội lực của người dân.

Từ khóa: Vốn con người, hộ gia đình người Thổ, thoát nghèo bền vững, Thanh Hóa

Abstract

This paper examines the state of human capital and proposes solutions to enhance it, thereby improving the poverty alleviation capacity of Tho ethnic households in Thanh Hoa province. Based on a mixed-method approach, combining a quantitative survey of 200 families and qualitative in-depth interviews, the study reveals that the poverty escape capacity of the Tho people is strongly associated with factors related to human capital, including the quantity and quality of labor, educational attainment, health status, and production and business skills. The results indicate a significant difference in these indicators between poor households and those that have escaped poverty. Key barriers identified include low educational levels (with a significant portion of household heads having only completed lower secondary school or less), a lack of production experience, limited access to health services, and a weak capacity to access and utilize capital. Based on this analysis, the paper proposes several solutions to enhance human capital, such as improving the quality of education and vocational training, strengthening healthcare, and innovating communication strategies to change mindsets and foster people's internal strength.

Keywords: Human capital, Tho ethnic households, sustainable poverty escape, Thanh Hoa

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Duyên

Email: nguyenthiduyen@hdu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Tình trạng nghèo và tái nghèo là một trong những thách thức kinh tế - xã hội lớn mà Đảng và Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm và nỗ lực tìm giải pháp khắc phục. Trong bối cảnh đó, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và quán triệt chính sách dân tộc của Đảng, vấn đề giảm nghèo cho các dân tộc thiểu số đã trở thành mục tiêu được ưu tiên hàng đầu trong các chương trình, dự án của tỉnh Thanh Hóa. Các văn bản chỉ đạo quan trọng như Nghị quyết 09/NQ-TU của Tỉnh ủy và Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII đều xác định Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững là một trong các nhiệm vụ trọng tâm, nhằm “tạo cơ hội và điều kiện cho hộ nghèo tự lực vươn lên phát triển kinh tế, tăng thu nhập” và “sớm thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa miền núi với các vùng miền khác trong tỉnh” [2].

Tuy nhiên, các cuộc điều tra về tình trạng nghèo ở cả quy mô quốc gia và địa phương hiện nay thường áp dụng một mô hình chung với các tiêu chí phổ biến như thiếu vốn, thiếu đất, hay thiếu kinh nghiệm làm ăn. Cách tiếp cận này chưa chỉ ra được những nguyên nhân chính, đặc thù dẫn đến đói nghèo của từng dân tộc thiểu số ở mỗi vùng cư trú khác nhau. Đặc biệt, đối với cộng đồng người Thổ tại Thanh Hóa, các nghiên cứu trước đây thường lồng ghép chung trong nhóm các dân tộc thiểu số nói chung mà chưa có nhiều công trình chuyên sâu phân tích vai trò cụ thể của “vốn con người” trong mối tương quan với khả năng thoát nghèo đặc thù của tộc người này. Do đó, việc thực hiện một nghiên cứu chuyên sâu về “Thực trạng vốn con người của hộ gia đình người Thổ liên quan đến khả năng thoát nghèo tại tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam” là một yêu cầu vừa có tính thời sự, vừa cần thiết, mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trên bình diện quốc tế, các nghiên cứu đã chỉ ra mối liên hệ phức tạp giữa nghèo đói và các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hóa. Các học giả như

David Lawson và cộng sự (2008) khi nghiên cứu tại Uganda đã khẳng định rằng tình trạng nghèo dai dẳng bắt nguồn từ sự thiếu hụt tổng hợp các loại vốn, bao gồm vốn tài chính, tự nhiên, xã hội và đặc biệt là vốn con người [5]. Trong nghiên cứu này, khái niệm “vốn con người” được tiếp cận theo quan điểm của Gary Becker (1964) và Theodore Schultz (1961), được hiểu là tổng hòa các năng lực, kiến thức, kỹ năng và sức khỏe mà cá nhân tích lũy được thông qua giáo dục, đào tạo và chăm sóc y tế, từ đó gia tăng năng suất lao động và thu nhập.

Các nghiên cứu về thoát nghèo bền vững của Orsolya Lelkes và cộng sự tại các nước EU cũng cho thấy các yếu tố như trình độ học vấn và tình trạng việc làm có ảnh hưởng quyết định đến nguy cơ nghèo đói [6]. Vấn đề vốn con người được mổ xẻ sâu hơn qua hai lăng kính chính: giáo dục và sức khỏe. Nghiên cứu của Richard J. Coley và Bruce Baker (2013) tại Mỹ đã chỉ ra vòng luẩn quẩn giữa nghèo và giáo dục [1]. Về sức khỏe, các nghiên cứu nhấn mạnh mối quan hệ hai chiều: sức khỏe kém làm giảm năng suất lao động và tạo gánh nặng chi phí, cản trở khả năng thoát nghèo.

Tại Việt Nam, các công trình của Trần Thị Hạnh và cộng sự (2010), Ngân hàng Thế giới (2012) đều khẳng định tình trạng nghèo của người dân tộc thiểu số là một “thách thức đặc thù” [4], [7]. Tuy nhiên, đa phần các nghiên cứu trong nước trước đây tập trung nhiều vào việc mô tả thực trạng thiếu hụt nguồn lực vật chất (vốn, đất đai) hoặc đánh giá hiệu quả chính sách từ trên xuống, mà chưa đi sâu phân tích định lượng về mối tương quan giữa các biến số thuộc về năng lực nội tại (vốn con người) với xác suất thoát nghèo của từng nhóm dân tộc cụ thể như người Thổ trong bối cảnh mới. Bài viết này kế thừa các lý thuyết trên nhưng tập trung sâu vào việc đo lường và so sánh các chỉ số vốn con người giữa nhóm hộ nghèo và thoát nghèo để tìm ra nguyên nhân cốt lõi.

3. Phương pháp nghiên cứu

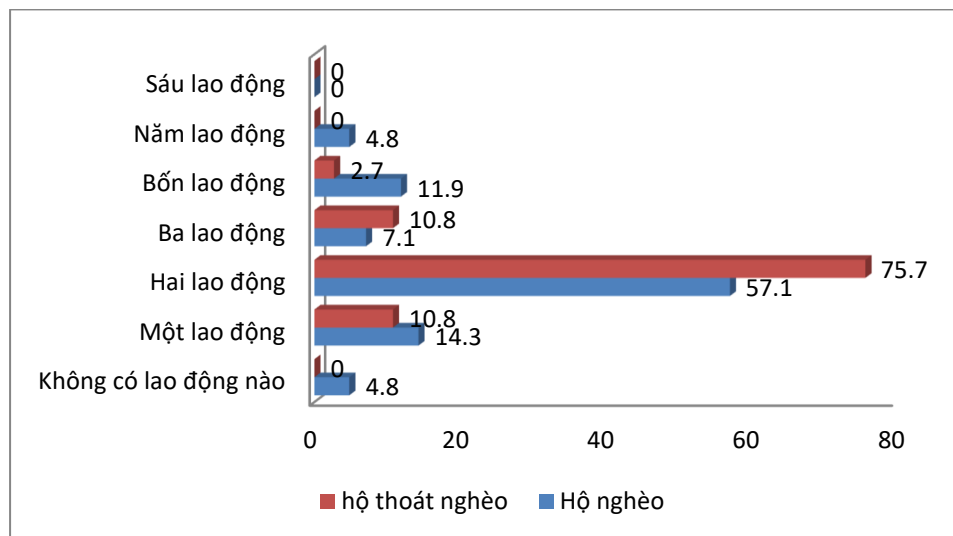
Để đảm bảo tính khoa học và toàn diện, nghiên cứu đã được thực hiện dựa trên sự kết hợp chặt chẽ của các phương pháp định lượng, định tính và phân tích tài liệu thứ cấp.

Về dữ liệu định lượng: Kết quả phân tích dựa trên số liệu khảo sát của đề tài được thực hiện trong giai đoạn 2018-2020 về “Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo bền vững của hộ gia đình dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Thanh Hóa hiện nay” [8]. Mặc dù dữ liệu được thu thập trong giai đoạn trước, nhưng các đặc điểm về nhân khẩu học, trình độ học vấn và tập quán canh tác của cộng đồng người Thổ có tính ổn định tương đối và ít biến động lớn trong ngắn hạn, do đó bộ dữ liệu vẫn đảm bảo độ tin cậy để phản ánh bản chất của vấn đề nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng nguồn vốn con người

4.1.1. Xét về số lượng và chất lượng nguồn lao động



Hình 1. Số lao động trong hộ gia đình người Thổ

Quan sát Hình 1 cho thấy tỷ lệ hộ gia đình có hai lao động chiếm tỷ lệ cao (75,7% rơi vào nhóm hộ thoát nghèo), hộ có một lao động chiếm tỷ lệ cao nhất 57,1% rơi vào nhóm hộ nghèo. Số liệu cho thấy sự phân bố lao động không đồng đều. Kết quả khảo sát gợi ý rằng quy mô lao động trong hộ có thể là một yếu tố liên quan đến khả năng kinh

Về mẫu khảo sát: Mẫu gồm 200 đại diện hộ gia đình dân tộc Thổ được chọn theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng, trong đó: nam giới là chủ hộ chiếm 96,5%; hộ nghèo chiếm 60% và 40% hộ thoát nghèo. Về nghề nghiệp: 81% làm ruộng, 7% trồng rừng, 1,5% buôn bán dịch vụ; 10,5% làm nghề khác. Về học vấn: 19% không đi học, 37% tiểu học, 35% trung học cơ sở, 9% trung học phổ thông.

Về phương pháp định tính: Để bổ sung và lý giải sâu hơn cho các số liệu định lượng, nghiên cứu đã tiến hành 7 cuộc phỏng vấn sâu với ba nhóm đối tượng chính: cán bộ xã (2 người), đại diện hộ nghèo (3 người) và hộ đã thoát nghèo (2 người). Các đối tượng phỏng vấn được lựa chọn theo phương pháp chủ đích nhằm đảm bảo sự đa dạng về hoàn cảnh kinh tế và kinh nghiệm sản xuất.

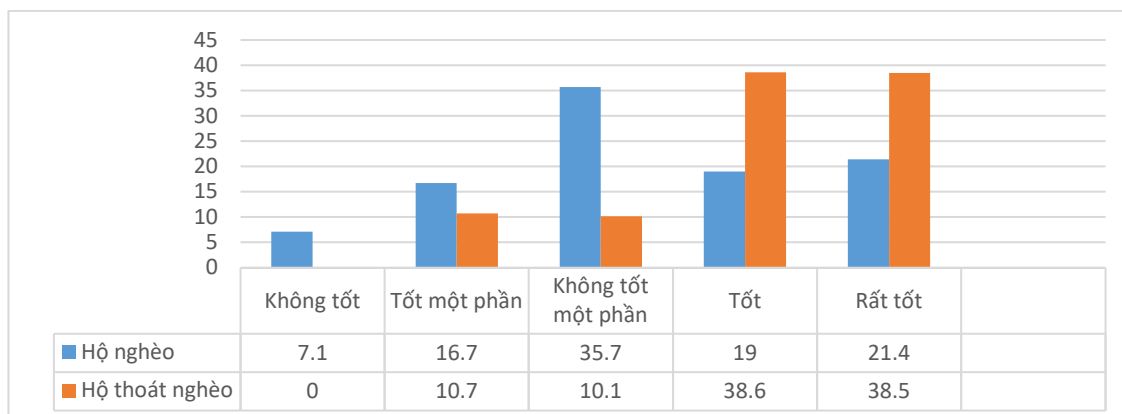
tế, khi các hộ thoát nghèo thường có lực lượng lao động dồi dào hơn để tham gia sản xuất.

Bên cạnh số lượng, chất lượng lao động (sức khỏe và kỹ năng) là yếu tố then chốt. Đặc điểm chung của các hộ nghèo là đa số lao động nghỉ học sớm, thiếu chứng chỉ nghề, dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật.

“Nhà tôi không có sức khỏe để lao động ổn định, nên khó khăn cứ chồng chất” (Nữ, dân tộc Thổ, xã Yên Lễ).

“Thiếu lao động, hai vợ chồng làm không xuể, phải thuê thêm người để trồng và thu hoạch sắn, keo” (Nữ, dân tộc Thổ, xã Yên Lễ).

4.1.2. Về năng lực sức khỏe của hộ



Hình 2. Nhận định về năng lực sức khỏe của hộ gia đình người Thổ

Quan sát Hình 2 cho thấy năng lực sức khỏe của hộ gia đình người Thổ ở mức trung bình vì tỷ lệ nhận định năng lực sức khỏe “không tốt” và mới “tốt một phần” chiếm tỷ lệ cao (23,8% hộ nghèo và 10,7% hộ thoát nghèo), tỷ lệ nhận định có năng lực sức khỏe tốt và rất tốt chưa chiếm 50%. Đây là khó khăn, hạn chế cũng là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo của hộ gia đình người Thổ. Điều này phù hợp với giả thuyết rằng sức khỏe là vốn quý giá nhất của người nghèo; khi sức khỏe suy giảm, khả năng lao động và tích lũy vốn bị ảnh hưởng trực tiếp.

“Chồng bị viêm khớp nặng không làm được gì, bản thân tôi thì bệnh tật liên miên... Không

có sức khỏe thì khổ lắm, chẳng dám mơ thoát được nghèo” (Nữ 40 tuổi, người Thổ, xã Yên Lễ).

Hình 2 cũng cho thấy sự khác biệt đáng kể về tỷ lệ sức khỏe của nhóm hộ nghèo và hộ thoát nghèo của mỗi dân tộc và giữa các nhóm dân tộc. Nhóm hộ thoát nghèo có tỷ lệ sức khỏe “không tốt”, và “không tốt” một phần nhỏ hơn nhiều so với nhóm hộ nghèo, từ đây khẳng định giả thuyết ban đầu đưa ra ốm đau bệnh tật ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo của hộ là có căn cứ. Điều này cũng ủng hộ các kết quả nghiên cứu định tính do nhóm tác giả thu thập tại các hộ nghèo, cho thấy các hộ này gặp khó khăn lớn về năng lực sức khỏe, từ đó làm hạn chế khả năng lao động và cản trở quá trình thoát nghèo.

4.1.3. Về trình độ học vấn của chủ hộ

Bảng 1. Trình độ học vấn của chủ hộ theo %

Phân loại hộ	Không đi học	Tốt nghiệp tiểu học	Tốt nghiệp THCS	Tốt nghiệp THPT	Tốt nghiệp TC, CD, ĐH	Tổng
Hộ nghèo	4,8	47,0	43,5	4,7	0	100
Hộ thoát nghèo	1,1	33,2	57,8	7,7	0,2	100

Kết quả khảo sát cho thấy trình độ học vấn của chủ hộ người Thổ ở 2 nhóm chính là *tốt nghiệp tiểu học* (nghèo 47,6% và thoát nghèo 33.2%),

và *tốt nghiệp trung học cơ sở* (hộ nghèo 43.5% và thoát nghèo 57.8%), hộ gia đình người Thổ vẫn còn một bộ phận chủ hộ chưa đi học, tỷ lệ

lao động tốt nghiệp trung học phổ thông (nghèo 4,7 và 7,7% thoát nghèo). Tỷ lệ tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học khiêm tốn (0,2% hộ thoát nghèo). Kiểm định Chi-square cho giá trị Sig = 0,003, với mức ý nghĩa 99%, chứng tỏ có sự tương quan có ý nghĩa thống kê giữa trình độ học vấn và trạng thái nghèo/thoát nghèo. Thực tế này

đặt ra cho chính quyền các cấp phải tăng cường các hội đoàn thể, thường xuyên tổ chức tập huấn sơ cấp nghề hoặc đưa đi thực tế các mô hình trồng trọt chăn nuôi hiệu quả ở các địa phương khác để thu hút lao động nghèo tham gia nhằm mục đích nâng cao nhận thức, kỹ năng, kinh nghiệm trong phát triển kinh tế của hộ.

Bảng 2. Tương quan giữa học vấn với năng lực học hỏi kinh nghiệm làm ăn của nhóm hộ nghèo (%)

Học vấn	Gia đình ông/bà có năng lực học hỏi kinh nghiệm làm ăn					Tổng
	Không tốt	Không tốt một phần	Tốt một phần	Tốt	Rất tốt	
Không đi học	60,1	30,0	9,9	-	-	100,0
Tốt nghiệp tiểu học	42,0	33,0	20,0	5,0	-	100,0
Tốt nghiệp THCS	18,0	19,0	11,0	30,0	22,0	100,0
Tốt nghiệp THPT	11,0	15,0	14,0	26,0	34,0	100,0
Tốt nghiệp TC, CĐ, ĐH trở lên	-	-	-	68,0	32,0	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Số liệu thống kê ở Bảng 2 phản ánh mối tương quan thuận chiều rõ rệt giữa trình độ học vấn và năng lực tiếp thu, học hỏi kinh nghiệm làm ăn của các hộ nghèo. Trong khi nhóm có trình độ học vấn thấp gặp rào cản lớn về năng lực diễn hình là nhóm không đi học với 60,1% tự đánh giá ở mức 'Không tốt' và hoàn toàn không có đại diện nào đạt mức khá giỏi thì nhóm có trình độ từ trung học cơ sở trở lên đã cho thấy sự cải thiện mang tính bước ngoặt về khả năng

thích ứng. Đặc biệt, sự vượt trội về chất lượng nguồn nhân lực được khẳng định tuyệt đối ở nhóm có trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, Đại học) khi 100% số hộ thuộc nhóm này đều đạt mức năng lực 'Tốt' (68,0%) và 'Rất tốt' (32,0%). Kết quả này chỉ ra rằng, sự thiếu hụt tri thức nền tảng chính là một trong những điểm nghẽn cốt lõi hạn chế khả năng tiếp cận phương thức sản xuất mới, kìm hãm cơ hội vươn lên thoát nghèo bền vững của các hộ dân.

4.1.4. Đối với năng lực thoát nghèo với học vấn của nhóm hộ thoát nghèo

Bảng 3. Năng lực học hỏi kinh nghiệm làm ăn của hộ

	Gia đình ông/bà có năng lực học hỏi kinh nghiệm làm ăn					Tổng
	Không tốt	Không tốt một phần	Tốt một phần	Tốt	Rất tốt	
Không đi học	45,8	30,9	15,0	8,3	-	100,0
Tốt nghiệp tiểu học	40,1	28,0	22,0	7,60	2,3	100,0
Tốt nghiệp THCS	2,8	4,3	36,9	37,30	18,7	100,0
Tốt nghiệp THPT	2,1	5,0	22,0	30,9	40,0	100,0
Tốt nghiệp TC, CĐ, ĐH trở lên	-	-	29,3	51,3	19,4	100,0

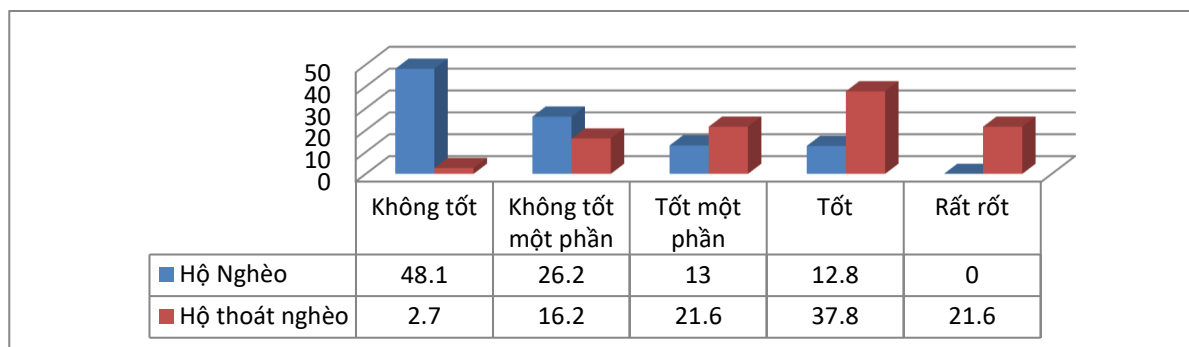
Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Bảng 2 và Bảng 3 cho thấy mối liên hệ rõ rệt: Nhóm có học vấn thấp (không đi học, tiểu học)

thường tự đánh giá năng lực học hỏi kinh nghiệm làm ăn ở mức “Không tốt” hoặc “Hạn chế”.

Ngược lại, nhóm có trình độ từ THCS trở lên có xu hướng tự tin hơn vào khả năng tiếp thu cái mới. Kiểm định Chi-square (Sig = 0,001 và Sig

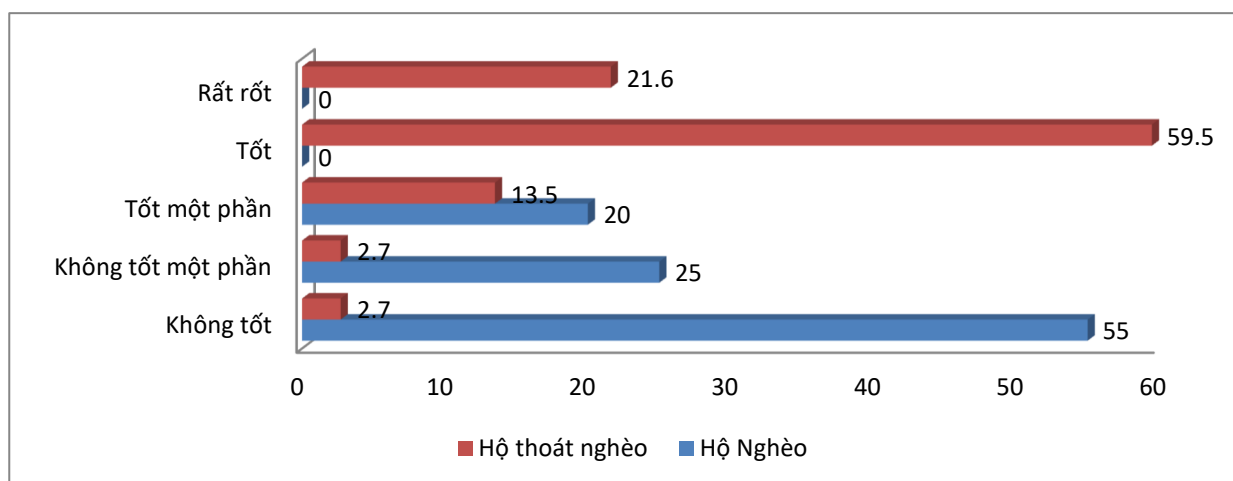
= 0,012) củng cố nhận định rằng học vẫn là nền tảng quan trọng giúp người dân tiếp cận phương thức sản xuất mới.



Hình 3. Năng lực huy động vốn của người dân tộc Thổ

Hình 3 cho thấy năng lực huy động vốn của hộ gia đình người dân tộc Thổ còn nhiều hạn chế, đặc biệt là ở nhóm hộ nghèo. Cụ thể, có 48,1% hộ nghèo tự đánh giá năng lực huy động vốn ở mức *chưa tốt*, cao hơn nhiều so với tỷ lệ 2,7% ở nhóm hộ thoát nghèo. Ngược lại, tỷ lệ hộ tự đánh giá năng lực huy động vốn ở mức *tốt và rất tốt* ở nhóm hộ thoát nghèo đạt 37,8%, trong khi con

số này ở nhóm hộ nghèo chỉ là 12,8%. Có 21,6% đại diện hộ thoát nghèo cho rằng hộ có năng lực huy động vốn tốt còn nhóm hộ nghèo không có % nào. Đây là sự khác biệt tương đối rõ rệt giữa nhóm nghèo và nhóm thoát nghèo. Thực tế này cho thấy nhóm nghèo cần mạnh dạn tiếp cận các nguồn vốn, đây là nhân tố quan trọng và quyết định để hộ gia đình có thể thoát nghèo.



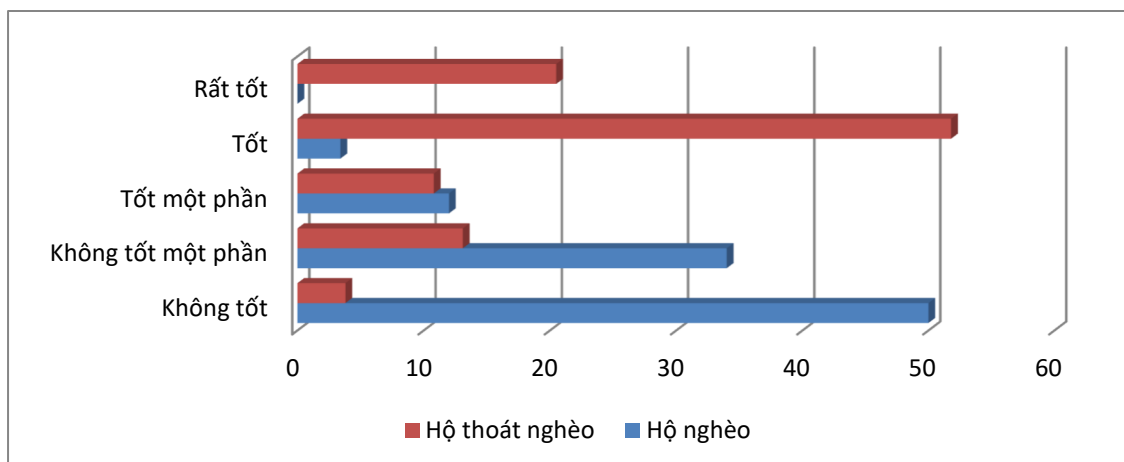
Hình 4. Năng lực sử dụng vốn của người dân tộc Thổ

Dữ liệu tại Hình 4 phản ánh sự phân hóa sâu sắc về năng lực sử dụng vốn giữa hai nhóm đối tượng nghiên cứu. Cụ thể, nhóm hộ thoát nghèo thể hiện ưu thế vượt trội với 59,5% đạt mức 'Tốt' và 21,6% đạt mức 'Rất tốt'. Trái lại, nhóm hộ nghèo hoàn toàn vắng bóng ở hai phân khúc cao này (0%), thay vào đó, đa số chỉ tự đánh giá năng lực ở mức 'Chưa tốt' hoặc 'Tốt một phần'. Nguyên nhân cốt lõi của thực trạng này xuất phát

từ những hạn chế về học vấn, thiếu hụt kỹ năng và kinh nghiệm sản xuất, khiến người dân lúng túng trong việc tổ chức làm ăn. Hệ quả là nguồn vốn vay thường bị sử dụng sai mục đích: thay vì đầu tư sản xuất kinh doanh để sinh lời, vốn lại bị chuyển sang tiêu dùng như mua sắm phương tiện, xây dựng nhà cửa hoặc trang trải các thiết bị sinh hoạt gia đình.

Kết quả này cho thấy những hạn chế trong năng lực huy động vốn của hộ nghèo chủ yếu xuất phát từ việc thiếu kiến thức về quản lý tài

chính và thiếu các phương án sản xuất khả thi, từ đó hình thành tâm lý e ngại tiếp cận nguồn vốn hoặc sử dụng vốn chưa đúng mục đích.

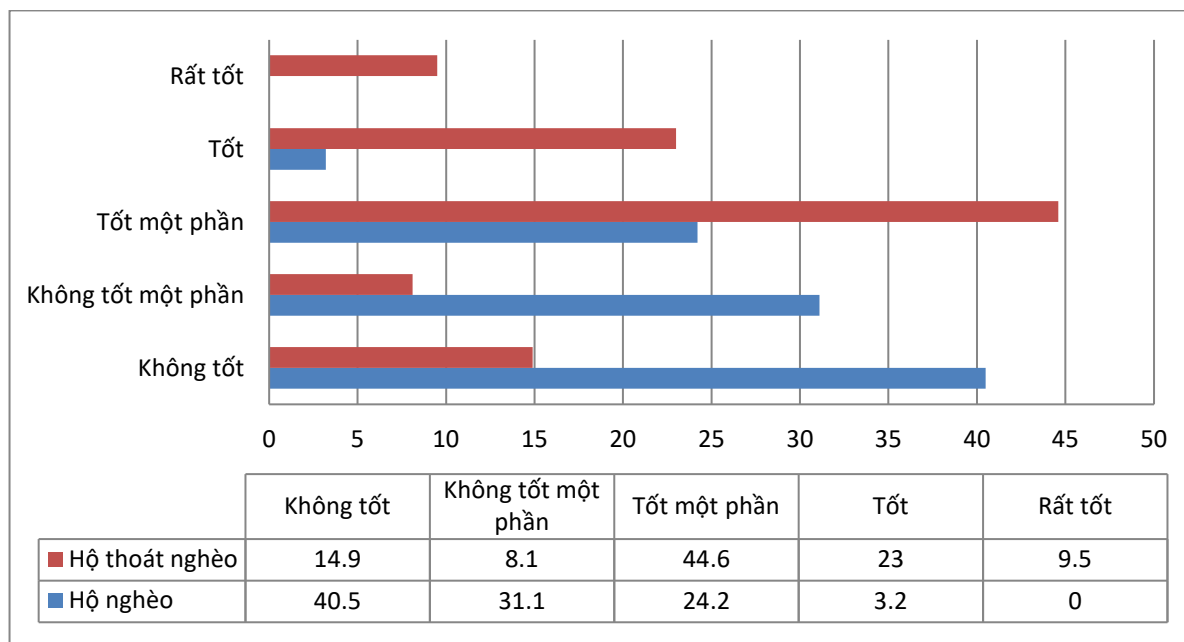


Hình 5. Năng lực tìm kiếm việc làm bên ngoài của hộ

Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực tìm kiếm việc làm bên ngoài nhằm cải thiện sinh kế và thoát nghèo của nhóm hộ nghèo còn hạn chế hơn so với nhóm hộ đã thoát nghèo. Phân tích nguyên nhân cho thấy các đặc điểm nhân khẩu –

xã hội của hộ, đặc biệt là trình độ học vấn, nghề nghiệp và kỹ năng chuyên môn trong sản xuất, kinh doanh, có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng và năng lực tìm kiếm việc làm của các hộ dân.

4.1.5. Đối với năng lực tìm kiếm thị trường để tiêu thụ sản phẩm của nông hộ



Hình 6. Năng lực tìm kiếm thị trường bên ngoài để tiêu thụ sản phẩm

Thực trạng năng lực thoát nghèo của hộ gia đình dân tộc Thổ tại miền núi Thanh Hóa hiện nay có sự phân hóa rõ rệt theo địa bàn cư trú và phương thức sinh kế. Cụ thể, tại xã Cát Tân,

người dân vẫn duy trì lối sản xuất thuần nông truyền thống, dẫn đến tính thụ động cao trong việc tiếp cận thị trường. Ngược lại, nhóm hộ tại xã Yên Lễ (địa bàn giáp ranh thị trấn Như Xuân)

đã bước đầu chuyển dịch sang hoạt động kinh doanh, buôn bán dịch vụ, tạo ra sự linh hoạt hơn trong thu nhập.

Sự khác biệt này còn gắn liền với khả năng tiếp cận và khai thác tài nguyên thiên nhiên – yếu tố vốn có mối quan hệ hữu cơ với môi trường sống và sinh kế bền vững. Đối với các hộ thuần nông, tài nguyên thiên nhiên giữ vai trò then chốt trong chiến lược phát triển kinh tế. Tuy nhiên, do sự phân bổ không đồng đều và năng lực khai thác hạn chế, các hộ nghèo thường khó tận dụng được lợi thế từ nguồn lực này, làm gia tăng khoảng cách phát triển so với các nhóm hộ khác.

Bên cạnh đó, rào cản tâm lý cũng là một thách thức lớn. Như nhận định của đại diện chính quyền địa phương:

“Một bộ phận người dân có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, chí tiến thủ kém. Bên cạnh đó, các thủ tục ma chay còn rườm rà, gây tốn kém” (Phó Chủ tịch UBND xã Yên Lễ).

Hơn nữa, việc thiếu phương án đầu tư phù hợp khiến các chính sách hỗ trợ chưa phát huy được hiệu quả tối đa:

“Chương trình hỗ trợ 10 triệu đồng để mua bò, trâu nhưng một bộ phận lại tìm cách bán đi, hoặc chăm sóc không tốt dẫn đến hao hụt vốn” (Chủ tịch UBND xã Cát Tân).

Dù đã có nhiều chính sách hỗ trợ kết nối vốn tài chính, song đặc điểm về nhân khẩu – xã hội cùng tâm lý e ngại vay vốn đang kìm hãm năng lực thoát nghèo của các hộ gia đình dân tộc Thổ hiện nay.

4.2. Giải pháp nâng cao nguồn vốn con người nhằm hỗ trợ người Thổ thoát nghèo bền vững

Từ kết quả phân tích thực trạng về sự thiếu hụt trình độ học vấn, kỹ năng quản lý vốn và rào cản tâm lý của hộ gia đình người Thổ, nghiên cứu đề xuất các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

Kết quả khảo sát cho thấy 92% chủ hộ có trình độ từ THCS trở xuống, trực tiếp hạn chế

năng lực học hỏi kinh nghiệm (Bảng 2). Vì vậy, cần đổi mới phương thức đào tạo nghề theo hướng “cầm tay chỉ việc”, thay vì các khóa học lý thuyết đại trà. Tập trung đào tạo các kỹ năng sản xuất nông-lâm nghiệp thế mạnh tại Cát Tân và kỹ năng kinh doanh dịch vụ tại các địa bàn có lợi thế giao thương như Yên Lễ. Đặc biệt, cần có chính sách hỗ trợ riêng để duy trì sĩ số học sinh dân tộc Thổ, coi việc nâng cao mặt bằng dân trí là giải pháp gốc rễ để thay đổi chất lượng lao động trong tương lai.

Với thực trạng 100% hộ nghèo thiếu năng lực sử dụng vốn tốt (Hình 4) dẫn đến việc chi tiêu sai mục đích, chính quyền và các đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ) cần tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn về “Quản lý kinh tế hộ”. Nội dung cần đơn giản hóa thông qua việc hướng dẫn lập phương án sản xuất khả thi, cách hạch toán chi phí - lợi nhuận và quản lý rủi ro khi vay vốn, giúp người dân xóa bỏ tâm lý e ngại và sử dụng vốn đúng mục đích sinh lời.

Vì sức khỏe là vốn quý nhất của người nghèo (Hình 2 cho thấy mối tương quan thuận giữa sức khỏe và thoát nghèo), tỉnh Thanh Hóa cần củng cố hệ thống y tế tại các xã miền núi. Cần nâng cao tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế thực chất và tổ chức các chương trình khám chữa bệnh định kỳ, tư vấn dinh dưỡng cho nông hộ. Đối với các hộ có người mắc bệnh hiểm nghèo (nguyên nhân chính gây tái nghèo), cần có cơ chế trợ cấp xã hội kết hợp với hỗ trợ sinh kế đặc thù để ngăn chặn sự suy giảm nguồn lực lao động của hộ.

Cần xóa bỏ tư tưởng “trông chờ, ỷ lại” thông qua việc thay đổi phương thức hỗ trợ từ “cho không” sang “hỗ trợ có điều kiện” hoặc “cho vay ưu đãi có thu hồi”. Phát huy vai trò của già làng, trưởng bản và các tấm gương thoát nghèo điển hình tại địa phương để vận động người dân loại bỏ các hủ tục ma chay gây tốn kém, chuyển nguồn lực tích lũy vào đầu tư tái sản xuất.

Chính quyền địa phương cần đóng vai trò cầu nối giúp các hộ thuần nông (như ở Cát Tân) tiếp cận với thông tin giá cả và kênh tiêu thụ sản phẩm bền vững (Hình 6). Khuyến khích hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã để tập hợp các hộ nhỏ lẻ, tạo sức mạnh thương lượng và ổn định đầu ra cho nông sản, giảm thiểu rủi ro bị ép giá.

5. Kết luận

Qua việc phân tích thực trạng và các yếu tố chi phối, nghiên cứu đã phác họa một bức tranh toàn diện về năng lực thoát nghèo của hộ gia đình dân tộc Thổ tại tỉnh Thanh Hóa, trong đó nổi bật vai trò trung tâm của nguồn vốn con người. Các kết quả đã khẳng định rằng sự yếu kém về vốn con người là rào cản cốt lõi, tác động và làm hạn chế hiệu quả của các nguồn vốn khác.

Nghiên cứu chỉ ra một thực tế rằng, dù được hỗ trợ về vốn tài chính hay tài nguyên thiên nhiên, các hộ nghèo người Thổ vẫn gặp khó khăn trong việc vươn lên do thiếu các năng lực cơ bản. Trình độ học vấn thấp (với 92% chủ hộ chỉ tốt nghiệp từ THCS trở xuống) đã trực tiếp hạn chế khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật, học hỏi kinh nghiệm làm ăn và hoạch định sản xuất. Tình trạng sức khỏe không đảm bảo đã làm suy giảm sức lao động, trong khi sự thiếu hụt kỹ năng quản lý kinh tế khiến việc sử dụng vốn vay trở nên kém hiệu quả, thậm chí sai mục đích. Những hạn chế này tạo ra một vòng luẩn quẩn, khiến các hộ gia đình không thể tối ưu hóa được các nguồn lực sẵn có.

Bên cạnh các yếu tố khách quan, nghiên cứu cũng nhấn mạnh ảnh hưởng sâu sắc của các yếu tố chủ quan. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách của nhà nước đã làm suy giảm động lực tự thân và ý chí vươn lên của một bộ phận người dân. Việc coi đói nghèo là bình thường và duy trì các phong tục tập quán còn rườm rà, tốn kém cũng là những trở ngại văn hóa - xã hội đáng kể.

Để thoát nghèo bền vững, cộng đồng người Thổ không chỉ cần các chính sách hỗ trợ về vật chất, tài chính, mà cần một chiến lược đầu tư toàn diện và dài hạn vào con người. Các giải pháp phải tập trung vào việc nâng cao dân trí, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp gắn với thực tiễn, cải thiện sức khỏe và quan trọng nhất là từng bước thay đổi tư duy, khơi dậy nội lực và khát vọng làm giàu chính đáng trong mỗi gia đình. Đây chính là chìa khóa để phá vỡ vòng luẩn quẩn của đói nghèo và hướng tới sự phát triển bền vững cho cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Becker, G. S. (1964). Human Capital: A Theoretical and Empirical Analysis, with Special Reference to Education. Chicago: University of Chicago Press.
- [2] Coley, R. J., & Baker, B. (2013). Poverty and Education: Finding the Way Forward. Princeton: ETS.
- [3] Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa. (2013). Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 04/11/2013 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi của tỉnh đến năm 2020. Thanh Hóa.
- [4] Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa. Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII. Thanh Hóa.
- [5] Hạnh, T. T., và cộng sự. (2010). Nghiên cứu thực trạng nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và đề xuất các giải pháp phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc và miền núi. Hà Nội: Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.
- [6] Lawson, D., McKay, A., & Okidi, J. (2008). Factors Affecting Poverty Dynamics and Persistence in Uganda. Uganda.
- [7] Lelkes, O., Medgyesi, M., & Tóth, I. G. (2009). "European inequalities: Social inclusion and income distribution in the European Union". European Inequalities, (1), 17–44.
- [8] Ngân hàng Thế giới. (2012). Báo cáo đánh giá nghèo Việt Nam 2012. Hà Nội.
- [9] Ngô Xuân Sao (2020). Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo bền vững của hộ gia đình dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Thanh Hóa hiện nay (Đề tài nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa).
- [10] Schultz, T. W. (1961). "Investment in human capital". The American Economic Review, 51(1), 1-17.
- [11] Nguyễn Văn Thắng và cộng sự. (2011). Giảm nghèo ở Việt Nam: Thành tựu và thách thức. Hà Nội: Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (VASS).